TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2021/QĐST-HNGĐ	*Tân Phước, ngày 01 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Công nhận thỏa thuận chia tài sản chung.
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền

Thư ký phiên họp: Ông Lê Minh Thành - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp: Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 11/2021/TLST-VHN ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thỏa thuận chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2021/QĐST-HN ngày 22 tháng 01 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Chị **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

Anh **Lâm Thành Tr**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp TT1, xã THĐ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Lâm Nguyệt Nh, sinh ngày 09-5-2003. **Lâm Chí T1**, sinh ngày 20-12-2010. Địa chỉ: ấp TT2, xã THĐ1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật của Nguyệt Nh và Chí T1 có chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 08-9-2020, người yêu cầu là anh Lâm Thành Tr và chị Nguyễn Thị Thanh T đều thống nhất trình bày:

Năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết ly hôn giữa anh Tr và chị T theo bản án số 34/2016/HNST ngày 24-6-2016. Tòa án chỉ giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, về tài sản chung anh Tr và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Tr và chị T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung đề nghị Tòa án công nhận thỏa thuận của anh chị về việc phân chia tài sản chung như sau:

Chia tài sản chung của vợ chồng là phần đất có diện tích 8930m^2 tại ấp TT, xã THĐ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 955930 ngày 08-8-2012 cho anh Lâm Thành Tr và chị Nguyễn Thanh T. Nay anh chị thống nhất chia tài sản chung thành 04 phần:

+Chia cho Lâm Thành Tr phần đất có diện tích 2232,5m^2 trong phần đất có diện tích 8930m^2 tại ấp TT, xã THĐ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị T đã giao cho anh Tr số tiền 300.000.000đồng vào ngày 08-9-2020. Yêu cầu Tòa án ghi nhận phần đất có diện tích 2232,5m^2 chia cho anh Tr thuộc quyền sử dụng của chị T.

-Chia cho chị Nguyễn Thanh T phần đất có diện tích 2232,5m^2 trong phần đất 8930m^2 tại ấp TT, xã THĐ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

-Chia cho Lâm Nguyệt Nh phần đất có diện tích 2232,5m^2 tách ra từ phần đất 8930m^2 tại ấp TT, xã THĐ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị Nguyễn Thanh T đại diện theo pháp luật cho Lâm Nguyệt Nh được quyền đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

-Chia cho Lâm Chí T1 phần đất có diện tích 2232,5m^2 tách từ phần đất 8930m^2 tại ấp TT, xã THĐ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị Nguyễn Thanh T đại diện theo pháp luật cho Lâm Chí T1 được quyền đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi có đơn yêu cầu công nhận, anh Tr có ý kiến anh và chị T thỏa thuận chia tài sản chung thành 04 phần, anh nhận 01 phần trị giá 300.000.000đồng, chị T đã giao đủ cho anh, phần đất chia cho anh yêu cầu Tòa ghi nhận chị T được toàn quyền sử dụng. Anh giao cho chị T 03 phần để chị T nuôi 02 con chung. Chị T được toàn quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích

8930m^2 tại ấp TT, xã THĐ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang anh không có ý kiến gì.

Hai con chung của anh Tr và chị T là cháu Lâm Nguyệt Nh và Lâm Chí T1 cũng thống nhất để chị T đứng tên giấy chứng nhận, toàn quyền quản lý sử dụng phần đất là tài sản chung mà cha mẹ thỏa thuận phân chia. Sau khi cháu Nh và cháu T1 đủ 18 tuổi thì chị T, cháu T1, cháu Nh sẽ tự phân chia phần tài sản trên.

Tại phiên họp người yêu cầu Lâm Thành Tr, Nguyễn Thanh T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Nguyệt Nh, Lâm Chí T1 vắng mặt có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ việc đúng thẩm quyền, xác định đúng yêu cầu, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ việc đúng thời hạn quy định. Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của BLTTDS. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu ghi nhận thỏa thuận của anh Tr, chị T về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết yêu cầu: Anh Lâm Thành Tr và chị Nguyễn Thanh T yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Anh Tr, chị T có địa chỉ tại ấp TT, xã THĐ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Vì vậy việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định tài sản chung của chị T và anh Tr trong thời kỳ hôn nhân là phần đất có diện tích 8930m^2 tại ấp TT, xã THĐ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số BH 955930 ngày 08-8-2012. Năm 2016, Tòa án giải quyết cho anh Tr và chị T ly hôn nhưng chưa giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng. Sau khi ly hôn giữa anh Tr và chị T thỏa thuận việc phân chia tài sản chung đề nghị Tòa án ghi nhận. Việc tự thỏa thuận là tự nguyện không trái quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên nên chấp nhận yêu cầu của anh Lâm Thành Tr và chị Nguyễn Thanh T.

[4] Về lệ phí: Căn cứ vào các Điều 143, 144, 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh Lâm Thành Tr và chị Nguyễn Thanh T phải chịu lệ phí sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 29, Điều 35, Điều 39; Điều 143, Điều 144, Điều 149; Điều 367, Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Tr, chị T về việc chia tài sản chung vợ chồng như sau:

Chia cho Lâm Thành Tr phần đất có diện tích 2232,5m^2 trong phần đất có diện tích 8930m^2 tại ấp TT, xã THĐ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị T đã giao cho anh Tr số tiền 300.000.000đồng vào ngày 08-9-2020. Anh Tr đã nhận đủ số tiền 300.000.000đồng, anh Tr giao lại phần đất có diện tích 2232,5m^2 trong phần đất có diện tích 8930m^2 cho chị T toàn quyền quản lý sử dung, anh Tr không được quyền tranh chấp đối với phần đất có diện tích 2232,5m^2 đã giao lại cho chị T.

Chia cho chị T 6697,5m^2 trong phần đất có diện tích 8930m^2 tại ấp TT, xã THĐ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Do đó, chị T được toàn quyền quản lý sử dụng đối với phần đất có diện tích 8930m^2 tại ấp TT, xã THĐ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang được chia và được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh Tr không có quyền tranh chấp đối với phần đất đã chia cho chị T.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Anh Lâm Thành Tr và chị Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đồng lệ phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 20847 ngày 13-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Anh Tr, chị T đã nộp đủ lệ phí DSST.

3.Anh Tr, chị T được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định được tống đạt hợp lệ.

4.Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
-VKSND huyện Tân Phước;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thu Thuyền